

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STTTT-CĐS

Nam Định, ngày tháng 5 năm 2024

V/v mời cung cấp báo giá phí thẩm định giá
thuê tài sản, dịch vụ

Kính gửi:

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định có nhu cầu thẩm định giá thuê tài sản, dịch vụ như sau:

1. Tên loại tài sản; đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật; số lượng: theo Danh mục tài sản, dịch vụ đề nghị thẩm định giá kèm theo.

2. Chất lượng: Mới 100%

3. Giá trị đề nghị thẩm định giá: **3.874.594.977** đồng (*Ba tỷ, tám trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng*).

4. Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở phê duyệt dự toán Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Hệ thống thông tin, chỉ đạo, điều hành tập trung (IOC) tỉnh Nam Định.

5. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định

6. Địa điểm thẩm định giá: tỉnh Nam Định

7. Thời điểm thẩm định giá: Tháng 05/2024

8. Tên người liên hệ: Ông Nguyễn Mạnh Khuyến - Phòng Chuyển đổi số;ĐT: 0983267892; Email: nguyenmanhkhuyen.stt@namdinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định trân trọng mời các đơn vị thẩm định giá được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá năm 2024 báo giá phí thẩm định giá thuê tài sản, dịch vụ nêu trên./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trang TTĐT Sở TTTT;
- Lưu: VT, CĐS.

Vũ Trọng Quế

BẢNG 1. DANH MỤC TÀI SẢN, DỊCH VỤ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Công văn số / STTTT-CĐS ngày /5/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định)

STT	Tài sản, dịch vụ	Giá đề nghị thẩm định (đồng)		Ghi chú
		Tổng cộng	Thời gian thuê	
1	Thuê hạ tầng máy chủ phục vụ vận hành hệ thống và lưu trữ	3.227.716.800	36 tháng	
2	Thuê dịch vụ Quản trị, vận hành hệ thống	564.487.497	36 tháng	
3	Thuê dịch vụ Bảo trì dịch vụ	82.390.680	36 tháng	
Tổng cộng		3.874.594.977		

BẢNG 1. DANH MỤC CHI TIẾT THUÊ HẠ TẦNG MÁY CHỦ PHỤC VỤ VẬN HÀNH HỆ THỐNG VÀ LƯU TRỮ

(Kèm theo Công văn số /STTTT-CDS ngày /5/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định)

STT	Hạng mục, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá đề nghị thẩm định (đồng)				Ghi chú
				Đơn giá/tháng	Thành tiền trước thuế VAT/01 năm	VAT	Thành tiền sau thuế VAT/01 năm	
1	Máy chủ ứng dụng - Application Server 32 vCPU, 64GB Ram, 900GB Storage HDD 01 IP Local băng thông 1 Gbps 01 IP tĩnh Public băng thông trong nước 200 Mbps, băng thông nước ngoài 10Mbps	Máy	2	9.912.000	237.888.000	23.788.800	261.676.800	Yêu cầu đối với hạ tầng máy chủ điện toán đám mây và lưu trữ triển khai tại Trung tâm dữ liệu của đơn vị cung cấp dịch vụ như sau: - Đạt tiêu chuẩn quốc tế Tier III;
2	Máy chủ cơ sở dữ liệu - Database Server 16 vCPU, 32GB Ram, 2500GB Storage HDD 01 IP Local băng thông 1 Gbps	Máy	2	11.184.000	268.416.000	26.841.600	295.257.600	- Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đối với nền tảng điện toán đám mây phục vụ Chính phủ điện tử quy định tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT
3	Máy chủ tích hợp dữ liệu - Data Integration Server 16 vCPU, 32GB Ram, 1500GB Storage HDD 01 IP Local băng thông 1 Gbps 01 IP tĩnh Public băng thông trong nước 200 Mbps, băng thông nước ngoài 10Mbps	Máy	2	8.584.000	206.016.000	20.601.600	226.617.600	ngày 03/4/2020 và Công văn số 2612/BTTTT- CATTT ngày 17/07/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Gói dịch vụ hạ tầng bao gồm hạ tầng phần cứng, phần mềm phụ trợ, dịch vụ vận hành khai thác được thiết kế, quản lý đảm bảo
4	Máy chủ API	Chiếc	1	2.899.000	34.788.000	3.478.800	38.266.800	

	8 vCPU, 16GB Ram, 100GB Storage HDD 01 IP Local băng thông 1 Gbps 01 IP tĩnh Public băng thông trong nước 200 Mbps, băng thông nước ngoài 10Mbps							cấp độ ATTT cấp độ 3 theo định.
5	Máy chủ Gateway giao tiếp API 8 vCPU, 16GB Ram, 100GB Storage HDD 01 IP Local băng thông 1 Gbps 01 IP tĩnh Public băng thông trong nước 200 Mbps, băng thông nước ngoài 10Mbps	Chiếc	1	2.899.000	34.788.000	3.478.800	38.266.800	
6	Cân bằng tải F5 - LB	Gói	1	2.040.000	24.480.000	2.448.000	26.928.000	
7	Dịch vụ đảm bảo ATTT cấp độ 3							
-	Dịch vụ bảo vệ IPS/IDS	VM/máy	8	340.000	32.640.000	3.264.000	35.904.000	
-	Dịch vụ tường lửa đa lớp	VM/máy	8	1.275.000	122.400.000	12.240.000	134.640.000	
-	Dịch vụ tường lửa ứng dụng (WAF)	Domain	1	990.000	11.880.000	1.188.000	13.068.000	
-	Dịch vụ phòng chống mã độc (Antivirus)	VM/máy	8	50.000	4.800.000	480.000	5.280.000	
	Tổng cộng 01 năm				978.096.000	97.809.600	1.075.905.600	
	Tổng cộng cho 03 năm				2.934.288.000	293.428.800	3.227.716.800	

BẢNG 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG

(Kèm theo Công văn số / STTTT-CDS ngày /5/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định)

I. CHI PHÍ QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH 01 NĂM

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá đề nghị thẩm định (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia trực tiếp	Ccg	97.802.640	<i>Nội dung công việc gồm:</i> - Quản trị phần mềm - Quản trị hoạt động người sử dụng - Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu không liên quan đến cập nhật dữ liệu - Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu liên quan đến xử lý dữ liệu - Lập quy trình hướng dẫn xử lý các tình huống thường gặp - Yêu cầu tối thiểu 01 kỹ sư CNTT bậc 1/tháng
2	Chi phí quản lý	Cql	63.571.716	
3	Chi phí khác	Ck		
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TN	9.682.461	
	Tổng cộng (trước VAT)		171.056.817	
5	Thuế giá trị gia tăng	VAT	17.105.682	
	TỔNG CỘNG	Gv	188.162.499	

II. CHI PHÍ QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH 03 NĂM

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá đề nghị thẩm định (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia trực tiếp	Ccg	293.407.920	<i>Nội dung công việc gồm:</i> - Quản trị phần mềm - Quản trị hoạt động người sử dụng - Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu không liên quan đến cập nhật dữ liệu
2	Chi phí quản lý	Cql	190.715.148	
3	Chi phí khác	Ck		
4	Thu nhập chịu thuế	TN	29.047.384	

	tính trước			<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu liên quan đến xử lý dữ liệu - Lập quy trình hướng dẫn xử lý các tình huống thường gặp - Yêu cầu tối thiểu 01 kỹ sư CNTT bậc 1/tháng
	Tổng cộng (trước VAT)		513.170.452	
5	Thuế giá trị gia tăng	VAT	51.317.045	
	TỔNG CỘNG	Gv	564.487.497	

BẢNG 3. YÊU CẦU KỸ THUẬT BẢO TRÌ DỊCH VỤ

(Kèm theo Công văn số / STTTT-CDS ngày /5/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định)

I/ CHI PHÍ BẢO TRÌ DỊCH VỤ 01 NĂM

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá đề nghị thẩm định (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia trực tiếp	Ccg	14.274.942	<i>Nội dung công việc Bảo trì dịch vụ định kỳ gồm:</i> - Kiểm tra, theo dõi hiện trạng hoạt động của phần mềm nội bộ. - Sao lưu cơ sở dữ liệu, mã nguồn định kỳ hàng tháng hoặc khi xảy ra sự cố, nâng cấp phần mềm. - Sửa lỗi phần mềm trong phạm vi các chức năng đã có của phần mềm; hỗ trợ cập nhật các bản nâng cấp, vá lỗi. - Kiểm tra tính toàn vẹn các cơ sở dữ liệu sau khi sao lưu. - Kiểm tra hiệu suất và khả năng chịu tải của phần mềm. - Thiết lập tối ưu hóa hệ cơ sở dữ liệu của phần mềm. - Hỗ trợ trong việc cài đặt phần mềm. - Kiểm tra và cập nhật các bản vá lỗi, bản vá lỗi hỏng An toàn thông tin đối với hệ điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, máy chủ web (Webserver), ... và các thành phần cấu thành nên hệ thống phần mềm. - Yêu cầu tối thiểu: 03 ngày công kỹ sư CNTT bậc 3/tháng
2	Chi phí quản lý	Cql	9.278.712	
3	Chi phí khác	Ck		
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TN	1.413.219	
	Tổng cộng (trước VAT)		24.966.873	
5	Thuế giá trị gia tăng	VAT	2.496.687	
	TỔNG CỘNG		27.463.560	

II/ CHI PHÍ BẢO TRÌ DỊCH VỤ 03 NĂM

TT	Nội dung	Ký hiệu	Giá đề nghị thẩm định (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia trực tiếp	Ccg	42.824.825	<i>Nội dung công việc Bảo trì dịch vụ định kỳ gồm:</i> - Kiểm tra, theo dõi hiện trạng hoạt động của phần mềm nội bộ. - Sao lưu cơ sở dữ liệu, mã nguồn định kỳ hàng tháng hoặc khi xảy ra sự cố, nâng cấp phần mềm. - Sửa lỗi phần mềm trong phạm vi các chức năng đã có của phần mềm; hỗ trợ cập nhật các bản nâng cấp, vá lỗi. - Kiểm tra tính toàn vẹn các cơ sở dữ liệu sau khi sao lưu. - Kiểm tra hiệu suất và khả năng chịu tải của phần mềm. - Thiết lập tối ưu hóa hệ cơ sở dữ liệu của phần mềm. - Hỗ trợ trong việc cài đặt phần mềm. - Kiểm tra và cập nhật các bản vá lỗi, bản vá lỗ hổng An toàn thông tin đối với hệ điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, máy chủ web (Webserver), ... và các thành phần cấu thành nên hệ thống phần mềm. - Yêu cầu tối thiểu: 03 ngày công kỹ sư CNTT bậc 3/tháng
2	Chi phí quản lý	Cql	27.836.136	
3	Chi phí khác	Ck		
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TN	4.239.658	
	Tổng cộng (trước VAT)		74.900.618	
5	Thuế giá trị gia tăng	VAT	7.490.062	
	TỔNG CỘNG		82.390.680	